

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ 120
SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 17 tháng 7 năm 2014.

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ 120



Hà nội, tháng 06 năm 2008

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..... * ... * ... *

Hà nội, tháng 6 năm 2008

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ 120

Các căn cứ để xây dựng điều lệ:

- Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006;
- Nghị định số 109/2007/NĐ – CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Quyết định số 1808/QĐ - BGTVT ngày 23 tháng 06 năm 2008/ của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án và chuyển Nhà máy Cơ khí 120, đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam thành Công ty cổ phần.

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cơ khí 120, trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và cùng có lợi, đều nhất trí và thông qua điều lệ tổ chức - hoạt động Công ty cổ phần Cơ khí 120 với các nội dung sau:

Handwritten signatures and initials:
1/4
Huat
1/12
[Signature]
[Signature]

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Tên công ty

- Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: **Công ty cổ phần Cơ khí 120**
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **120 MECHANICAL JOINTSTOCK COMPANY**

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **120 JMC**
- Công ty được sử dụng biểu tượng, cờ hiệu và con dấu riêng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2: Trụ sở và địa bàn hoạt động

1. Công ty cổ phần Cơ khí 120 có trụ sở chính tại 609 đường Trương Định - Quận Hoàng Mai – Thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại:
 - Fax :
 - Website : www.cokhi120.net
 - E-mail : CK120@cokhi120.net
2. Công ty có thể thay đổi trụ sở chính theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
3. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện ở trong nước kể cả nước ngoài để thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

14
Hết
JMC
Thư

Điều 3: Hình thức sở hữu – Tư cách pháp nhân

1. Hình thức sở hữu:

Công ty cổ phần Cơ khí 120 được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, với hình thức “ giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ”, thành phần sở hữu chủ yếu của Công ty là:

- Vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.
- Vốn của cán bộ công nhân viên đóng góp (cổ phiếu mua ưu đãi của CBCNV)
- Vốn của các nhà đầu tư trong và ngoài doanh nghiệp (cổ phiếu mua do phát hành thêm được đấu giá 2 lần trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà nội)

2. Tư cách pháp nhân:

- Công ty Cổ phần Cơ khí 120 được tổ chức và hoạt động theo luật doanh nghiệp và các quy định liên quan tới pháp luật và điều lệ của Công ty.
- Công ty Cổ phần Cơ khí 120 là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam (có con dấu riêng, được mở tài khoản tại các ngân hàng trong và ngoài nước, được phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành)
- Công ty Cổ phần Cơ khí 120 được sản xuất và kinh doanh những sản phẩm, ngành hàng mà pháp luật Việt nam không cấm.
- Công ty Cổ phần Cơ khí 120 là doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ , tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng vốn đó.

Điều 4: Mục tiêu và lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

1. Mục tiêu hoạt động:

Công ty cổ phần Cơ khí 120 được thành lập thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh, sản xuất công nghiệp, dịch vụ, đầu tư, nhằm:

- Thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các nhà đầu tư.
- Tạo công ăn việc làm ổn định, tăng thu nhập cho người lao động.
- Tăng tích lũy để tái đầu tư trên cả lĩnh vực bề rộng và chiều sâu, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng cường sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.
- Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

2. Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Sản xuất và chế tạo các sản phẩm về kết cấu thép, bao gồm: gia công cơ khí, sản xuất bulong các loại, mạ nhúng kẽm, xây lắp và lắp dựng các sản phẩm:

- Sản xuất chế tạo lắp dựng các loại cột điện cho đường dây 500kv, 220kv và 110kv.
 - Sản xuất chế tạo vận chuyển lắp dựng các loại dầm cầu giao thông nông thôn.
 - Sửa chữa, chế sửa các loại dầm bellay.
 - Sản xuất chế tạo vận chuyển và lắp đặt tháp truyền hình các loại (có độ cao từ 70m - 150m), các loại cột cho đài phát thanh, các loại cột cho buu chính viễn thông.
 - Sản xuất chế tạo các khung nhà xưởng, khung nhà dân dụng và công nghiệp có cùng chung quy trình kết cấu thép.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp tương đương hoặc cùng loại nhóm C.
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư có cùng ngành hàng với sản xuất, xuất nhập khẩu các loại thiết bị, máy móc cùng chung trong ngành kết cấu thép và phụ tùng thiết bị phục vụ cho ngành công nghiệp ô tô và giao thông vận tải.
 - Dịch vụ xuất nhập khẩu lao động, dịch vụ thương mại và kinh doanh dịch vụ tổ hợp văn phòng (văn phòng cho thuê, cho thuê khách sạn, siêu thị và vui chơi giải trí).
 - Kinh doanh bất động sản.
 - Kinh doanh chứng khoán.
 - Đào tạo nghề theo nghề Công ty được đăng ký đào tạo và ngành nghề Công ty đang sử dụng.
 - Thực hiện các ngành nghề kinh doanh khác khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép và được bổ sung vào nội dung đăng ký kinh doanh.

Điều 5: Thời gian hoạt động:

1. Thời gian hoạt động của Công ty là vô thời hạn, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
2. Trường hợp bất khả kháng (thiên tai, dịch hóa, thua lỗ kéo dài,...) mà phải giải thể Công ty, đều phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6: Nguyên tắc tổ chức - hoạt động của Công ty.

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện – bình đẳng – dân chủ và tuân thủ pháp luật.
2. Các nhà đầu tư của Công ty cùng góp vốn, đều có trách nhiệm chăm lo tới quá trình sản xuất kinh doanh và hướng phát triển của doanh nghiệp, bởi kết quả cuối cùng đều liên quan tới các nhà đầu tư, lời thì chia, lỗ thì phải chịu tương ứng với phần góp vốn của mình trong doanh nghiệp.
3. Quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà đầu tư được độc lập hoàn toàn với quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty.
4. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.

5. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản lý Công ty, bầu Ban kiểm soát và giám sát việc quản lý và điều hành Công ty.
6. Hội đồng quản trị bổ nhiệm (hoặc thuê) Tổng Giám đốc điều hành công việc sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 7: Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty:

1. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật, phù hợp với điều lệ của Công ty.
2. Công ty cổ phần Cơ khí 120 luôn tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động được tham gia vào các tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội.

CHƯƠNG II

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ 120

Điều 8: Quyền hạn của Công ty cổ phần Cơ khí 120

1. Công ty được chủ động trong sản xuất kinh doanh, là công ty đa sở hữu, nhiều ngành nghề, được chủ động trong việc mở rộng hoặc thu hẹp cả quy mô, địa bàn và chủng loại sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty.
2. Được sử dụng linh hoạt các loại vốn (vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, vốn của các nhà đầu tư, vốn vay ngân hàng, vốn chiếm dụng,...) và các quỹ, trên nguyên tắc phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư để đem lại hiệu quả kinh tế cao.
3. Để huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, Công ty có quyền huy động vốn của mọi thành phần kinh tế. Được phát hành cổ phiếu, trái phiếu Công ty sau khi được phép của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Được toàn quyền khai thác, sử dụng những tài sản của Công ty, các tài sản đi thuê (đất đai, tài nguyên) và các nguồn lực khác để phục vụ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
5. Được quyền nhượng bán, cho thuê hay liên doanh liên kết những tài sản không cần dùng, chưa dùng hay dùng chưa hết công suất.
6. Được quyền cầm cố, thế chấp các tài sản, giá trị quyền sử dụng đất tài sản trên đất thuộc quyền quản lý của Công ty tại các tổ chức tín dụng để vay vốn phục vụ đầu tư và sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.
7. Chủ động tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch ký kết các hợp đồng mua – bán với các khách hàng trong và ngoài nước.
8. Đầu tư, liên doanh liên kết, góp cổ phần, mua một phần hay toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo đem lại hiệu quả cho Công ty.
9. Trực tiếp hoặc ủy thác kinh doanh xuất nhập khẩu.
10. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong và ngoài nước, được thành lập Công ty TNHH, Công ty cổ phần hay tham gia góp vốn thành lập Công ty cổ phần mới trực thuộc Công ty.

11. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, trả tiền thưởng, quyết định các mức lương trên cơ sở công hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật lao động và các chế độ hiện hành có liên quan, Công ty có quyền từ chối tiếp nhận những lực lượng lao động không đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp.
12. Tổ chức bộ máy phân công nhiệm vụ cán bộ phải phù hợp với năng lực cán bộ, chức năng nhiệm vụ của Công ty tại từng thời điểm.
13. Mời khách nước ngoài hoặc cử CBCNV đi công tác và học tập ở ngoài nước phải phù hợp với tính chất ngành nghề của Công ty và các quy định của nhà nước.
14. Chủ động đổi mới khoa học công nghệ, đầu tư máy móc thiết bị, áp dụng khoa học hiện đại vào sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và nâng cao tính cạnh tranh của doanh nghiệp.
15. Toàn quyền quyết định giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu, giá bán sản phẩm và dịch vụ (trừ những vật tư và sản phẩm do nhà nước định giá).
16. Khấu hao tài sản cố định theo đúng quy định tại các văn bản nhà nước công bố tại thời điểm.
17. Được hưởng mọi chế độ ưu đãi đầu tư theo quy định của nhà nước.
18. Được quyền thu và sử dụng ngoại tệ dùng phục vụ lĩnh vực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên cơ sở chế độ quản lý hiện hành của nhà nước.
19. Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận còn lại cho các nhà đầu tư sau khi đã làm đủ nghĩa vụ tài chính với ngân sách nhà nước, trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Điều lệ, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và pháp luật nhà nước.
20. Được quyền bảo hộ và sở hữu công nghiệp, bao gồm: các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, thương hiệu doanh nghiệp được quy định tại pháp luật.
21. Chủ động trong lĩnh vực khiếu nại, tố cáo hoặc thông qua người đại diện tham gia tố tụng nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp.
22. Kinh doanh bất động sản khi có đầy đủ cơ sở pháp lý và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.
23. Công ty cổ phần cơ khí 120 là đơn vị thừa kế duy nhất toàn bộ những tài sản (mặt bằng, tài sản cố định, vật tư hàng hóa, vốn bằng tiền và các phần công nợ, các quỹ, các hợp đồng mua bán và tiền thu sản phẩm,...) của Nhà máy Cơ khí 120.
24. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

Điều 9: Nghĩa vụ của công ty

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề đã ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm, dịch vụ do Công ty thực hiện.
2. Chịu trách nhiệm hữu hạn về vật chất đối với khách hàng trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty.
3. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật.



4. Tổ chức thực hiện công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, kịp thời, chính xác theo quy định của pháp lệnh kế toán thống kê.
5. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
6. Công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá những khó khăn và thuận lợi về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
7. Thực hiện đúng chế độ nhà nước quy định về quản lý vốn, tài sản và các quỹ.
8. Thực hiện quyền, lợi ích người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ về bảo hiểm khác cho người lao động.
9. Tổ chức thực hiện các hợp đồng đã ký kết.
10. Đảm bảo chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo đúng tiêu chuẩn đã đăng ký.
11. Tôn trọng việc thành lập và hoạt động của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội trong khuôn khổ hiến pháp, pháp luật.
12. Chịu trách nhiệm sự kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật, tuân thủ các quy định về thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
13. Công ty thừa kế và nhận chuyển giao nghĩa vụ về vốn và tài sản, tiếp tục triển khai các hợp đồng đã được ký kết của Nhà máy Cơ khí 120 trước khi cổ phần hóa thành Công ty cổ phần Cơ khí 120.
14. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

CHƯƠNG III

VỐN HOẠT ĐỘNG, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 10: Vốn hoạt động:

1. Vốn điều lệ hiện có tại thời điểm chuyển doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Cơ khí 120 sang hoạt động theo mô hình hoạt động Công ty cổ phần – Công ty cổ phần Cơ khí 120.
2. Vốn vay của các ngân hàng, tổ chức tín dụng, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Vốn huy động bằng các hình thức phát hành cổ phiếu, trái phiếu Công ty, liên doanh, liên kết.
4. Vốn tiếp nhận của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước.
5. Vốn tích lũy được hình thành từ kết quả của quá trình sản xuất kinh doanh, lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ chưa có nhu cầu sử dụng.

Điều 11: Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ Công ty tại thời điểm thành lập được xác định theo giá trị bằng tiền Việt Nam là: **30.000.000.000 VNĐ (Ba mươi tỷ đồng Việt nam)**

2. Vốn điều lệ của Công ty được hình thành từ việc các cổ đông đóng góp bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản hay các hiện vật khác dưới hình thức chuyển quyền sở hữu cho Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Giá trị tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động phải được một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Trong mọi trường hợp, Công ty không chịu trách nhiệm về tính pháp lý đối với các nguồn tiền, tài sản do các cổ đông tự nguyện góp cổ phần vào Công ty.
3. Khi cần thiết, Công ty có thể tăng vốn điều lệ bằng cách trích một phần hoặc toàn bộ lợi nhuận chia phân phối bổ sung vào vốn điều lệ hoặc phát hành cổ phiếu mới theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Trong trường hợp sản xuất kinh doanh của Công ty không bị thua lỗ, nhưng đạt hiệu quả kinh doanh thấp, Công ty buộc phải thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh, các cổ đông có thể được hoàn trả một phần vốn góp sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
5. Công ty công bố công khai vốn điều lệ tại thời điểm thành lập và khi có sự thay đổi. Việc tăng giảm vốn điều lệ của Công ty phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chứng nhận.
6. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động:
 - Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.
 - Phát triển kỹ thuật, công nghệ, nghiệp vụ.
 - Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư vốn thành lập các công ty hoặc thực hiện các hình thức đầu tư tài chính khác.
 - Dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.
 - Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty.
7. Vốn điều lệ không được phép sử dụng để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 12: Trái phiếu công ty.

1. Tùy theo nhu cầu tài chính của Công ty, việc sử dụng vốn và tình hình thị trường, Công ty có thể phát hành trái phiếu Công ty, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp quy định tại khoản 2, điều 88 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị sẽ quyết định loại trái phiếu, các điều kiện của trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.
3. Trái phiếu chuyển đổi của Công ty là loại trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu của Công ty khi Công ty có nhu cầu phát hành thêm cổ phần hoặc tăng vốn điều lệ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ chuyển đổi do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Khi Công ty phát hành thêm cổ phần mới, quyền ưu tiên được mua cổ phần của chủ sở hữu trái phiếu chuyển đổi chỉ sau các cổ đông của Công ty.
5. Trái phiếu của Công ty có thể được mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Nếu Công ty phát hành trái phiếu trên thị trường chứng khoán, việc phát hành sẽ tuân theo các quy định pháp luật về chứng khoán.

Điều 13: Cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được chia làm 3.000.000 cổ phần; một (01) cổ phần có mệnh giá là 10.000 VNĐ.
2. Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông của Công ty có một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Mọi quy định về cổ phần phổ thông và cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được quy định tại Điều lệ này và phù hợp với Luật Doanh nghiệp.

Điều 14: Cổ đông sáng lập.

1. Cổ đông sáng lập của Công ty: Cổ đông cá nhân hoặc tổ chức có người đại diện theo ủy quyền trúng cử thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập và cổ đông đại diện cho phần vốn Nhà nước.
2. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại Phụ lục số 01 và được đính kèm Điều lệ này. Phụ lục số 01 là phần không tách rời của Điều lệ.
3. Cổ đông sáng lập của Công ty đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau:
 - Cổ đông cá nhân chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - Cổ đông tổ chức kết thúc hoạt động.

Điều 15: Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập

1. Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua hoặc ủy nhiệm đại diện ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán.
2. Trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác. Trường hợp chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập thì phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập.

Sau thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ.

Điều 16: Chào bán cổ phần

1. Công ty thực hiện chào bán cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, việc chào bán sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán
2. Thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong sổ cổ phần được quyền chào bán sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp quy định tại điểm a,b,c, khoản 1, điều 87 Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định tại điểm a,b,c,d, khoản 2, điều 87 của Luật Doanh nghiệp.
4. Việc mua, bán cổ phần được coi là hoàn tất thủ tục khi các thông tin về người mua cổ phần được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần đó trở thành cổ đông của Công ty.
5. Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông phải được ghi vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

Điều 17: Chuyển nhượng cổ phần.

1. Tất cả cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng trừ khi điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán. Cổ đông muốn chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính của Công ty (nơi phát hành cổ phiếu) hoặc tại các tổ chức mà Công ty ủy quyền và thực hiện các thủ tục theo quy định của Công ty.
2. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo mẫu của Công ty. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký, có xác nhận của Công ty hoặc xác nhận của tổ chức được Công ty ủy quyền. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
3. Hội đồng quản trị có quyền từ chối việc chuyển nhượng bất kỳ cổ phần thể hiện bằng cổ phiếu ghi tên nào nếu chưa được thanh toán đầy đủ.
4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng.

Điều 18: Thừa kế cổ phần



1. Trường hợp cổ đông qua đời, số cổ phần sở hữu của cổ đông đã mất được định đoạt theo quy định của pháp luật về thừa kế. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
2. Người thừa kế hoặc đại diện của những người thừa kế hợp pháp các cổ phần được thừa kế phải thực hiện các thủ tục đăng ký với Công ty để xác nhận là cổ đông mới của Công ty và được hưởng mọi quyền lợi nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

Điều 19: Mua lại cổ phần.

1. Mua lại cổ phần theo quy định của Công ty:

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định tại Điều 91 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

- a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu mua lại cổ phần của cổ đông phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán và lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu được gửi đến Công ty trong thời hạn 10(mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nói tại điểm này.

- b. Công ty và cổ đông có thể thỏa thuận về giá mua lại cổ phần nhưng không thấp hơn giá thị trường trong thời hạn 90(chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp hai bên không thỏa thuận về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03(ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

- c. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại sẽ được thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 20: Thu hồi cổ phần.

1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần thì Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán đúng theo yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi cổ đông thanh toán đầy đủ các khoản phí phải nộp, các khoản lãi và chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.

4. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 21: Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty gọi là cổ phiếu.
Trường hợp Công ty phát hành cổ phiếu dưới dạng chứng chỉ thì cổ phiếu có 2 loại: cổ phiếu ghi tên và cổ phiếu không ghi tên.
2. Mọi cổ phiếu do Công ty phát hành phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Cổ phiếu phải nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, số tiền đã thanh toán, họ và tên người sở hữu (nếu là cổ phiếu ghi tên) và các thông tin khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
3. Nếu hình thức, nội dung cổ phiếu do Công ty phát hành có sai sót thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu không bị ảnh hưởng. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do sai sót đó gây ra đối với Công ty.

Điều 22: Cổ phiếu quỹ.

1. Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của chính Công ty đã phát hành và được Công ty mua lại bằng nguồn vốn hợp pháp.
2. Điều kiện, trình tự mua, bán và quản lý cổ phiếu quỹ trong Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 23: Cơ cấu tổ chức, quản lý kiểm soát của Công ty.

Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 24: Mọi quan hệ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc Công ty.

1. Các đơn vị trực thuộc Công ty (gọi tắt là đơn vị) được thành lập có bộ máy tinh gọn, hiệu quả gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, các phòng ban chức năng, tổ đội sản xuất phù hợp với yêu cầu sản xuất và nhiệm vụ được giao.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị phải tuân thủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định của pháp luật hiện hành.
3. Hàng năm các đơn vị phải chủ động tìm kiếm việc làm đồng thời được Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế bắt buộc phù hợp với nguồn lực và khả năng kinh tế của từng đơn vị.
4. Các đơn vị có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ chung và quyền hưởng thụ đầy đủ các lợi ích kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định.
5. Các mối quan hệ khác tuân theo quy chế quản lý nội bộ nhưng không được trái với điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG V

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG

Điều 25: Quy định chung về cổ đông

1. Mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nếu sở hữu hợp pháp một hay nhiều cổ phần của Công ty đều là cổ đông của Công ty.
2. Cổ đông được công nhận chính thức sở hữu hợp pháp cổ phần của Công ty khi đã trả đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có nội dung chủ yếu theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 3 điều 96 Luật Doanh nghiệp.
4. Trong trường hợp một cổ đông tổ chức mới được sát nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của tổ chức cũ, thì cổ đông tổ chức mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị Công ty các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sát nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông tổ chức giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho tổ chức hoặc cá nhân khác theo các quy định của điều lệ này và pháp luật có liên quan.
5. Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp lý năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty. Việc ủy quyền đều phải thực hiện bằng văn bản theo các quy định của pháp luật. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị Công ty.
6. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của nhóm cổ đông này bằng văn bản.

Điều 26: Quyền của cổ đông

1. Cổ đông của Công ty thực hiện quyền sở hữu đối với Công ty tương ứng với số cổ phần mà mình sở hữu và có các quyền khác theo quy định tại điều lệ này.
2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Công ty có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của đại hội đồng cổ đông.
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông sở hữu của từng cổ đông.
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông của Công ty theo quy định của điều lệ này và pháp luật hiện hành.
 - e. Thừa kế cổ phần theo quy định của điều lệ Công ty và phù hợp với luật pháp.
 - f. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp điều lệ Công ty, Sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - h. Nhận một phần tài sản còn lại (nếu có) theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần mà cổ đông sở hữu sau khi Công ty thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và trả cho cổ đông ưu đãi trong trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản.
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp.
 - j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng ngoài các quyền quy định tại khoản 2 điều này còn có các quyền:
 - a. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ 5 năm của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
- b. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

- c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính sáu tháng và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.
- d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

Điều 27: Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ số tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quyết định của Công ty. Chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

2. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
4. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, uy tín, bí mật kinh doanh và tài sản của Công ty.
5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch để lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ xấu về tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ này.

Điều 28: Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

1. Công ty phải lập Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập bằng văn bản vừa bằng tệp dữ liệu điện tử và được lưu giữ tại trụ sở Công ty.
2. Nội dung của Sổ đăng ký cổ đông của Công ty phải ghi nhận đúng và đầy đủ các thông tin quy định tại khoản 2, điều 86 Luật Doanh nghiệp.

Điều 29: Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông tiến hành họp để thực hiện các quyền của mình. Hàng năm Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gồm:

a. Cuộc họp thành lập Công ty.

Cuộc họp thành lập Công ty thảo luận và thông qua Điều lệ của Công ty, kế hoạch đầu tư kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính cho 03 (ba) năm đầu tiên kể từ khi Công ty chính thức đi vào hoạt động; bầu các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức quản lý của Công ty.

b. Cuộc họp thường niên.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điều lệ này và phù hợp với luật pháp. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự cuộc họp để tư vấn cho việc thông qua báo cáo tài chính hàng năm.

Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

c. Cuộc họp bất thường.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được tổ chức khi có phát sinh bất thường ảnh hưởng nghiêm trọng đến tổ chức, hoạt động của Công ty.

Điều 30: Quyền và nhiệm vụ của đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - a. Thông qua chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty;
 - b. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - c. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Thông qua báo cáo của kiểm toán viên độc lập;
 - e. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - f. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó theo đề nghị của Hội đồng quản trị;
 - g. Quyết định việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập trong 03 (ba) năm đầu kể từ ngày thành lập Công ty;
 - h. Quyết định người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các cổ phần ưu đãi khác;
 - i. Quyết định việc chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông;

- j. Quyết định tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;
 - k. Quyết định đầu tư tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;
 - l. Quyết định giao dịch bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - m. Quyết định việc Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n. Quyết định việc Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết Hợp đồng, giao dịch với các đối tượng quy định tại khoản 1, điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - o. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - p. Quyết định thù lao của Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát;
 - q. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
 - r. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sát nhập hoặc chuyển đổi Công ty
 - s. Quyết định việc tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - t. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty;
 - u. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. *Cổ đông không được tham gia biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến: Các hợp đồng nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

Điều 31. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty do Ban chỉ đạo cổ phần hóa Nhà máy Cơ khí 120 triệu tập.
- 2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập.
- 3. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập cuộc họp bất thường của trong các trường hợp:
 - a. Theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi:
 - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc triệu tập họp là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;
 - Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn điều lệ đã bị giảm 50%;

- Số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc bị giảm quá 1/3 số thành viên quy định tại khoản 1, Điều 41 Điều lệ này;
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 26 Điều lệ này trong trường hợp có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ được quy định tại Điều 119 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý hành động vượt quá phạm vi quyền hạn của mình.
4. Khi có phát sinh các hiện tượng nêu tại điểm a, khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm b, khoản 3 Điều này thì:
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 30 (ba mươi) ngày.
Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 26 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
5. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này.
6. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện họp lệ sẽ được Công ty chi trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 32. Quyền dự họp đại hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông
- 2. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có

quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 33. Việc ủy quyền tham dự cuộc họp đại hội đồng cổ đông

1. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền.
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức đó và người được ủy quyền.
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông là người được ủy quyền dự họp.
2. Người được ủy quyền được nhân danh cổ đông ủy quyền tham dự, phát biểu và thực hiện quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo tỷ lệ cổ phần phổ thông sở hữu của cổ đông đã ủy quyền, phù hợp với các quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
3. Người được ủy quyền tham dự cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
4. Người được ủy quyền tham dự cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền cho Ban tổ chức cuộc họp trước khi vào phòng họp
5. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.
6. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị trước khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khai mạc.
7. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi ủy quyền không có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.
 - c. Phiếu bầu của người được ủy quyền sẽ không có hiệu lực khi Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trên chậm nhất 24 (hai mươi tư) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 34. Danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 20 (Hai mươi) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có đầy đủ họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, trụ sở, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những hông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Thông báo, chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 07(bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty, tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp

2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông làm việc theo chương trình nghị sự đã công bố. Trong trường hợp triệu tập lần thứ hai, lần thứ ba, Đại hội vẫn giữ nguyên chương trình nghị sự đã công bố cho lần triệu tập thứ nhất. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình nghị sự đã được gửi kèm theo thông báo mời họp. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 26 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03(ba) ngày trước ngày khai mạc. Nội dung bản kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đã vào chương trình họp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị khi:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung
- Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Những trường hợp khác quy định tại bản Điều lệ này

Điều 36. Điều kiện, thể thức tiến hành họp đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tại thời điểm tương ứng dự họp cho lần triệu tập thứ nhất.
 - b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a, khoản này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi)

ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trưng ứng.

c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b, khoản này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ 3 này được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch hội đồng quản trị sẽ là người thay thế làm chủ tọa cuộc họp; Trường hợp Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì thành viên do Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

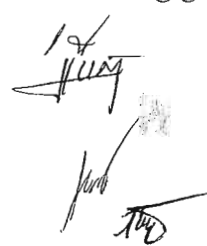
Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao làm chủ tọa cuộc họp.

3. Chủ tọa cuộc họp đề cử Ban thư ký để lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu không quá 05 (năm) người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
5. Trước ngày khai mạc cuộc họp, thủ tục đăng ký cổ đông tham dự họp phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi đảm bảo việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp
6. Khi tiến hành thủ tục đăng ký, kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông, đại diện cổ đông dự họp, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ tên cổ đông, họ tên đại diện cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại cuộc họp sẽ được tiến hành bằng cách giơ thẻ chấp thuận một vấn đề trước, giơ thẻ phản đối vấn đề đó sau. Tổng số phiếu tán thành, phản đối hoặc bỏ phiếu trắng được chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp và ghi vào nội dung Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
7. Trường hợp cổ đông không đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì có thể gửi phiếu biểu quyết có niêm phong đến Công ty trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và trong trường hợp này được coi là dự họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Cổ đông hoặc người ủy quyền được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng
9. Quyết định của chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất
10. Chủ tọa và thư ký cuộc họp có quyền thực hiện các biện pháp mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

11. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
- Yêu cầu tất cả mọi người tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rắc rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh buộc phải ra khỏi cuộc họp đại hội đồng cổ đông
12. Không cần lấy ý kiến của cuộc họp, chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp kể cả khi đã có đủ số cổ đông đăng ký dự họp theo quy định bởi cuộc họp đã xảy ra tình trạng:
- Địa điểm tổ chức cuộc họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông tham dự cuộc họp
 - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp
- Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc
13. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 12 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người tham dự họp để thay thế chủ tọa điều khiển cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 37. Thông qua quyết định của đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức giơ tay biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản
- Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và có giá trị hiệu lực khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp chấp thuận
- Nghị quyết, quyết định được thông qua tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập và tiến hành phù hợp với những quy định liên quan nói tại Điều lệ này sẽ có hiệu lực bắt buộc vô điều kiện đối với mọi cổ đông của Công ty, cho dù cổ đông đó vắng mặt hay bất đồng ý kiến.
- Các vấn đề sau phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp:
 - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - Thông qua định hướng phát triển Công ty;
 - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - Tổ chức lại, giải thể Công ty



5. Đối với các quyết định của đại hội đồng cổ đông liên quan đến vấn đề quy định tại điểm a,,c,e,g khoản 4 Điều này phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp chấp thuận.

Việc biểu quyết thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với tổng số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

6. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không thực hiện theo đúng quy định.
7. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
8. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 38. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến gửi kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 3, Điều 105 Luật Doanh nghiệp
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức
5. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ
6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 5, Điều 105 Luật Doanh nghiệp
7. Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

8. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
10. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài (nếu Công ty có cổ đông là người nước ngoài) và phải có nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp
 - d. Chủ tọa và thư ký
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các quyết định đã được thông qua;
 - i. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 40. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của đại hội đồng cổ đông



Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông; cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây.

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty

CHƯƠNG VI

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 41. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, gồm năm (05) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu theo thể thức bỏ phiếu kín trực tiếp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý, các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất của Công ty. Hội đồng quản trị có thể có 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
4. Trong nhiệm kỳ, đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ.
5. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 42: Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử, đề cử làm thành viên hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trong thời hạn ít nhất 6 tháng từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử 01 (một) ứng cử viên; sở hữu trong khoảng từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử 02 (hai) ứng cử viên; sở hữu trong khoảng từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có được quyền đề cử 03 (ba) ứng cử viên; sở hữu trong khoảng từ 40% đến dưới 65% tổng số cổ phần phổ thông có được quyền đề cử 04 (bốn) ứng cử viên; sở hữu từ 65% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền đề cử đủ số ứng cử viên.
2. Cổ đông là cá nhân sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên được quyền ứng cử. Đại diện Cổ đông là tổ chức sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền ứng cử.
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải:
 - Thường trú tại Việt Nam;

- Không là thành viên Hội đồng quản trị của quá 02 tổ chức sản xuất kinh doanh (trừ người đại diện quản lý phần vốn Nhà nước)
- Lý lịch rõ ràng, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;
- Có trình độ từ Đại học trở lên; có kinh nghiệm quản lý kinh doanh thuộc ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp

Điều 43. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm cả Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi;
 - c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động vốn dưới mọi hình thức khi điều lệ này và pháp luật cho phép;
 - d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại số lượng cổ phần đã bán ra nhưng không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán; quyết định giá mua lại cổ phần;
 - f. Xem xét việc chuyển nhượng các cổ phiếu ghi tên;
 - g. Quyết định đầu tư tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - h. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh, đơn vị trực thuộc nào hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh, đơn vị trực thuộc thực hiện có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - i. Quyết định việc Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh, đơn vị trực thuộc nào của Công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc của Công ty;

(Trong trường hợp này, thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.)

 - j. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý quan trọng khác của Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó;
 - k. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

- l. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - m. Quyết định cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - o. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - p. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh, thực hiện việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - q. Có thể đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết hoặc các quy định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
 - r. Xem xét báo cáo của Tổng giám đốc khi cần thiết và ủy quyền cho Tổng giám đốc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của Công ty;
 - s. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty
3. Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những người quản lý khác trong năm tài chính.
 4. Hội đồng quản trị không được phép trực tiếp hay gián tiếp cho vay, cho mượn tài sản của Công ty để thế chấp hoặc bảo lãnh nợ cho các đối tượng sau:
 - Cổ đông của Công ty
 - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó giám đốc, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.
 - Các doanh nghiệp khác mà một hay nhiều chủ doanh nghiệp đó đang là cổ đông của Công ty
 5. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quyết định của đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 44. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Chủ tịch, Phó chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Tổng Giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm và quyền hạn sau:

- a. Là người đại diện pháp luật của Công ty
 - b. Triệu tập, và chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị; Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị
 - c. Lãnh đạo sự hoạt động của Hội đồng quản trị và thay mặt Hội đồng quản trị thực hiện các hoạt động hàng ngày của Hội đồng quản trị trong suốt thời gian nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.
 - d. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị
 - e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị
 - f. Lập chương trình công tác và phân công các thành viên thực hiện việc kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty.
 - g. Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình
 - h. Có quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp.
3. Khi vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp cả chủ tịch và Phó chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, các thành viên còn lại bầu một người trong số họ tạm thời thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào, hội đồng quản trị bầu người thay thế trong thời hạn 10(mười) ngày.

Điều 45: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên hội đồng quản trị

1. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị phải tuân theo những quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp
2. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau;
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại phần 3 Điều 42 Điều lệ này;
 - b. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Có đơn xin từ chức
 - d. Chết, mất trí, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị kết án tù;
 - e. Không tham dự các cuộc họp của hội đồng quản trị trong 06 (sáu tháng) liên tục mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị
 - f. Cổ đông là tổ chức do người đại diện đã kết thúc nhiệm kỳ hoạt động; hoặc tổ chức đó bị giải thể phá sản và sáp nhập
 - g. Mất tư cách đại diện cho cổ đông tổ chức;
 - h. Công ty bị giải thể, phá sản
3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại khoản 1, Điều 41 Điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (Sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 46. Việc khuyết thành viên hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông tổ chức muốn thay đổi người đại diện theo ủy quyền đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải có đơn hoặc bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị Công ty. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị phải họp để xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất
2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị cử Phó Chủ tịch thay thế và đảm nhiệm công việc của Chủ tịch cho đến khi tiến hành đại hội đồng cổ đông gần nhất

Điều 47. Quyền lợi của thành viên hội đồng quản trị

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao và thưởng cho công việc của họ với tư cách là thành viên hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tổng mức thù lao và thưởng cho hội đồng quản trị sẽ do đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao và thưởng này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị.
2. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào hoặc thành viên thực hiện các công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thành toán các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông

Điều 48. Cuộc họp hội đồng quản trị


1. Hội đồng quản trị họp thường kỳ ít nhất 03 (ba) tháng một lần; trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa hai kỳ họp thường kỳ cũng không quá 04 (bốn) tháng. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp thường kỳ của hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian, địa điểm họp và gửi đến các thành viên của hội đồng quản trị ít nhất 05 (năm) ngày trước ngày họp dự kiến.

Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch, Phó chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. cuộc họp này do thành viên có số phiếu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số

phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên trúng cử Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ để triệu tập họp hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường trong vòng 15 (mười lăm) ngày theo đề nghị của một trong những người, nhóm người sau:
 - a. Ít nhất 02 (hai) thành viên của Hội đồng quản trị;
 - b. Ban kiểm soát;
 - c. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệmĐề nghị phải được thành lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị
3. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp thuận triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
4. Theo yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty
5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã được đăng ký của công ty hoặc những địa điểm khác ở tại Việt Nam hoặc nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị
6. Thông báo và chương trình họp:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản. Thông báo mời họp phải ghi cụ thể chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo các tài liệu cần thiết về những vấn đề cần thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của các thành viên.
 - b. Thông báo mời họp được gửi bằng buu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty
7. Việc ủy quyền dự họp Hội đồng quản trị:
 - a. Mọi thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho bất kỳ một thành viên Hội đồng quản trị nào khác, hoặc bất kỳ người nào khác được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận tham dự cuộc họp hội đồng quản trị
 - b. Người được ủy quyền thực hiện các quyền, nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp theo như nội dung ghi tại giấy ủy quyền
 - c. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản do thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền và người được ủy quyền ký, gửi cho Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) tiếng đồng hồ trước thời gian dự họp dự kiến.

Trường hợp ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị, giấy ủy quyền phải được gửi tới Hội đồng quản trị chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày họp, Hội đồng quản trị phải thông báo chấp thuận hoặc không chấp thuận việc ủy quyền dự họp của thành viên Hội đồng quản trị và nêu rõ lý do không chấp thuận.



- d. Việc ủy quyền dự họp của thành viên hội đồng quản trị chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.
 - e. Số thành viên tham dự tối thiểu: cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 03 (ba) thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền.
8. Biểu quyết tại cuộc họp;
- a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.
 - b. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết
 - c. Trong một cuộc họp Hội đồng quản trị, khi có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên hội đồng quản trị khác sẽ là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
 - d. Bất kỳ một thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 120 của luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng đó.
9. Công khai lợi ích: một thành viên hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó tại cuộc họp mà hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức gần nhất sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
10. Biểu quyết đa số: hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra các quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch hội đồng quản trị
11. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về quyết định của hội đồng quản trị theo phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hội đồng quản trị hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị, nhưng không muộn hơn 01 (một) tiếng đồng hồ trước thời gian họp dự kiến. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp
12. Hợp trên điện thoại hoặc qua các hình thức khác: một cuộc họp của hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của hội đồng quản trị mà tất cả

hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản: nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a. Những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
- b. Số lượng thành viên ký tên trên văn bản không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết này có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có chữ ký của ít nhất một thành viên.

14. Biên bản cuộc họp:

- a. Mọi nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong mỗi phiên họp đều phải được ghi vào sổ biên bản; Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị.
- b. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi biên bản đó được chuyển đi.
- c. Các biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 113 Luật Doanh nghiệp.
- d. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

15. Những người được mời họp dự thính: Hội đồng quản trị có thể mời những người quản lý Công ty hoặc các chuyên gia của một bên thứ ba nào đó tham dự cuộc họp Hội đồng

quản trị. Những người được mời tham dự cuộc họp theo quy định tại khoản này được quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết tại cuộc họp.

16. Bộ phận giúp việc: Giúp việc cho Hội đồng quản trị có thể là thư ký hoặc các tiểu ban hoặc văn phòng Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc thành lập hoặc giải thể bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị.

Điều 49: Việc bản giao tài sản, lao động cho Hội đồng quản trị sau cuộc họp đại hội cổ đông thành lập Công ty.

Sau khi cuộc họp Đại hội cổ đông thành lập Công ty, những người được bầu vào các chức danh trong Hội đồng quản trị có trách nhiệm nhận bàn giao toàn bộ lao động, tài sản, các hồ sơ tài liệu của Công ty và các công việc còn lại của Ban chỉ đạo cổ phần hoá Nhà máy Cơ khí 120. Hội đồng quản trị hoàn tất các thủ tục còn lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những việc đó.

CHƯƠNG VII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 50. Tổng giám đốc

1. Tổng Giám đốc có thể là người trong và ngoài Công ty hoặc ký hợp đồng thuê. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc ký hợp đồng thuê. Tổng Giám đốc không nhất thiết là cổ đông của Công ty.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty trên cơ sở quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ này và hợp đồng lao động ký với Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) năm; có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng giám đốc được trả tiền lương, tiền thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Tiền lương, tiền thưởng của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phải được nêu trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty để báo cáo Đại hội cổ đông.

Điều 51. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc phải là người :
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - b. Có trình độ chuyên môn là kỹ sư hoặc cử nhân chuyên ngành phù hợp với ngành nghề của Công ty, 03 (ba) năm kinh nghiệm thực tế trong quản trị doanh nghiệp hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty; hiểu biết pháp luật; có sức khoẻ phù hợp với chức vụ được giao.

- c. Không được là vợ hoặc chồng, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý với công ty mẹ.
 - d. Không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.
2. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị căn cứ những điều kiện nói trên xem xét, bỏ phiếu tuyển chọn theo nguyên tắc đa số chấp thuận.

Điều 52. Quyền và trách nhiệm của Tổng giám đốc

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Tổ chức thực hiện các quyết định của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật.
3. Từ chối thực hiện các quyết định của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ và trái nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát.
4. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
5. Báo cáo Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty định kỳ hàng năm, hàng quý, hoặc đột xuất tùy theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
6. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.
7. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
8. Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ (trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước quy định).
9. Kiến nghị giải pháp phát triển thị trường, quảng cáo, tiếp thị và công nghệ.
10. Kiến nghị số lượng và các chức danh quản lý để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết, đề xuất và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của cán bộ quản lý.
11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý khác trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
12. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc.
13. Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng lao động theo quy định của Hội đồng quản trị. Khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động phù hợp với Bộ luật Lao động.
14. Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo gần nhất của Công ty.
15. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý trong kinh doanh.
16. Thừa ủy quyền của Hội đồng quản trị quản lý toàn bộ tài sản của Công ty.
17. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty khi được Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản.

18. Đảm bảo các điều kiện và phương tiện phục vụ cho việc hoạt động của Đại hội cổ đông, Ban kiểm soát và việc thực thi quyền và nghĩa vụ của cổ đông.
19. Được quyết định các biện pháp xử lý vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.
20. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.
21. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty và các quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 53. Bộ máy giúp việc.

1. Công ty có các Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn.
2. Phó Tổng giám đốc là người giúp Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc được phân công ủy quyền.
3. Kế toán trưởng là người giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, thực hiện thống nhất, công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính kế toán trong toàn Công ty.
4. Giám đốc các chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty là thủ trưởng điều hành trực tiếp các đơn vị thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác theo quy chế quản lý nội bộ được Hội đồng quản trị phê duyệt phải tự chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc điều hành của mình.
5. Các Trưởng, Phó phòng, Ban chuyên môn là người giúp Tổng giám đốc Công ty thực hiện nghiệp vụ chuyên môn trong công tác quản lý điều hành công việc hàng ngày.

Điều 54. Ủy quyền - ủy nhiệm của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các Phó Tổng giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền, ủy nhiệm của mình.
2. Người được Tổng giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.
3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Điều 55. Việc từ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Tổng giám đốc

1. Từ nhiệm: Trong trường hợp từ nhiệm, Tổng giám đốc phải có văn bản gửi tới Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản này, Hội đồng quản trị họp xem xét và quyết định.

2. Miễn nhiệm: Tổng giám đốc đương nhiên miễn nhiệm khi bị chết, mất trí, mất năng lực hành vi dân sự hoặc tự ý bỏ nhiệm sở từ 30 (ba mươi) ngày trở lên.
3. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có quyền quyết định bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có ít nhất 3/5 số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (Tổng giám đốc nếu là thành viên hội đồng quản trị thì không được biểu quyết)
4. Trong trường hợp Tổng giám đốc không còn đủ tư cách, Hội đồng quản trị phải công bố bằng văn bản về việc này và đề cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày công bố, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

CHƯƠNG VIII

NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 56. Nghĩa vụ của người quản lý công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty có các nghĩa vụ sau đây:
 - a. Công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 118 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
 - d. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - e. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần góp vốn, cổ phần chi phối, thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.
2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 57. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Ban kiểm soát Công ty gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn bằng thể thức bỏ phiếu kín hoặc trực tiếp.

3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm, trùng với niên hạn của Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
5. Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên Ban kiểm soát thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung theo thể thức bỏ phiếu kín trực tiếp.
6. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát để quản lý, điều hành hoạt động chung của Ban kiểm soát.

Điều 58. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng khoảng từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử 01 (một) ứng cử viên; sở hữu trong khoảng từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử 02 (hai) ứng cử viên; sở hữu từ 50% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền đề cử 03 (ba) ứng cử viên.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên tham gia Ban kiểm soát phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Nội dung đơn đề cử ứng viên tham gia ban kiểm soát phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần phổ thông sở hữu của cổ đông, tên ứng viên tham gia Ban kiểm soát, chữ ký của người đề cử và người được đề cử.

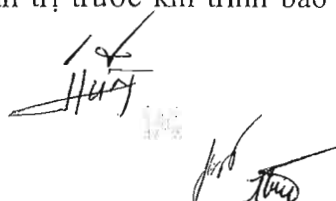
Cổ đông là cá nhân sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền ứng cử. Đại diện Cổ đông là tổ chức sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền ứng cử.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải:
 - Thường trú tại Việt nam.
 - Là cổ đông Công ty hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức.
 - Lý lịch rõ ràng, có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt.
 - Có đủ năng lực hành vi dân sự.
 - Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.
 - Không được giữ các chức vụ quản lý trong Công ty.
 - Ban kiểm soát phải có ít nhất 01 (một) thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán và thành viên này không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 59. Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát có quyền hạn và nghĩa vụ như sau:

- a. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị khắc phục các sai phạm.
- c. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên.
- d. Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc đình chỉ kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan thông qua Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc là người thực hiện.
- e. Thảo luận với Kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.
- f. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà Kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.
- g. Xem xét các khuyến cáo của Kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Công ty.
- h. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.
- i. Kiến nghị hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- j. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 26 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười năm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
- k. Được quyền yêu cầu các phòng ban nghiệp vụ của Công ty cung cấp tình hình, số liệu, tài liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- l. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc các cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 56 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- m. Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
- n. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội cổ đông.



- o. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ sau:
- a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
 - b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
 - c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty, không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 - e. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm c, khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty.
 - f. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 60. Hoạt động của Ban kiểm soát

1. Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm phân công thành viên Ban kiểm soát phụ trách từng lĩnh vực.
2. Giới hạn hoạt động của Ban kiểm soát.
 - a. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty khi thi hành nhiệm vụ.
 - b. Việc kiểm tra theo quy định tại điểm j, khoản 1 Điều 59 Điều lệ này không cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn trong công việc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.
3. Sau cuộc họp Đại hội cổ đông thành lập, các thành viên Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập Công ty.
4. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp và hình thành hoạt động của Ban kiểm soát nhưng không được họp ít hơn 02 (hai) lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 02 (hai) người.
5. Thù lao và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát:
 - a. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào

số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên.

- b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí khác với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- c. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định Đại hội đồng cổ đông và phải được thành lập mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 61. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức, thành viên Ban kiểm soát muốn từ nhiệm phải làm đơn gửi Ban kiểm soát. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn hoặc văn bản xin từ nhiệm, Ban kiểm soát phải họp để xem xét quyết định.
2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định theo khoản 2 tại Điều 58 Điều lệ này.
 - b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - c. Có đơn xin từ chức.
3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thành viên ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.
5. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng ban kiểm soát thì số thành viên Ban kiểm soát còn lại cử một người thay thế cho đến khi bầu thêm đủ số thành viên Ban kiểm soát như quy định tại Điều lệ này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
6. Trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát có nghiệp vụ về tài chính kế toán, Ban kiểm soát trao đổi với Hội đồng quản trị tạm thời cử người thay thế ngay cho đến khi triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung.

CHƯƠNG X

QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 62. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc các cán bộ quản lý của đơn vị thành viên trực thuộc Công ty cung cấp

các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị thành viên trực thuộc Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 63. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Ban kiểm soát.

1. Thông báo mời họp, lấy phiếu ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như thành viên Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người quản lý khác phải cung cấp kịp thời, đầy đủ chính xác các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 64. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ này đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản Đại hội cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này, những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ này, giấy đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

CHƯƠNG XI

CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 65. Chế độ và quyền lợi của người lao động

1. Chế độ tuyển dụng: Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng giám đốc (hoặc người được Tổng giám đốc uỷ quyền) và

người lao động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế có liên quan đến Công ty.

2. Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty: Người lao động đang làm việc cho Nhà máy Cơ khí 120 chuyển sang Công ty Cổ phần Cơ khí 120 sẽ được ký lại hợp đồng lao động với người sử dụng lao động. Đối với lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì giải quyết theo chế độ hiện hành.
3. Khi chuyển sang Công ty cổ phần, mọi chế độ như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo pháp luật được Công ty Cổ phần Cơ khí 120 tiếp tục thực hiện.
4. Sau 12 tháng kể từ khi Nhà máy Cơ khí 120 chuyển thành Công ty cổ phần, nếu do nhu cầu tổ chức lại hoạt động kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động mất việc làm thì chính sách đối với người lao động này được giải quyết theo những quy định hiện hành của Nhà nước.

CHƯƠNG XII

NĂM TÀI CHÍNH, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 66. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 67. Trích lập quỹ

1. Quỹ dự phòng tài chính: Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào Quỹ dự phòng tài chính với mức trích tối đa 05% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi Quỹ dự phòng tài chính bằng 25% vốn Điều lệ của Công ty.
2. Các quỹ khác như Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ hội đồng quản trị..., mức trích do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 68. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho từng loại cổ phần ưu đãi.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; bù đắp lỗ năm trước theo quy định của pháp luật và trích lập Quỹ dự phòng tài chính theo Điều lệ Công ty; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
3. Hội đồng quản trị sẽ lập danh sách các cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày

trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức sẽ được gửi đến cổ đông chậm nhất 15 (mười năm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo sẽ có nội dung như quy định của pháp luật.

Đối với trường hợp chuyển nhượng cổ phần, cổ đông chuyển nhượng lại cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.

4. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng tài chính của Công ty.
5. Trừ trường hợp có thể quyết đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều kiện phát hành cổ phần đó có quy định khác đi, mức cổ tức của cổ phần chưa được thanh toán hết trong thời gian trả cổ tức được tính theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phần đó tại thời điểm trả cổ tức.
6. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
7. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
8. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan đến một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đưng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào mà được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.
9. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Giá trị các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.
10. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua quyết định của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khoá sổ) làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng đến quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 69. Xử lý khi kinh doanh thua lỗ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau (việc chuyển lỗ chỉ thực hiện tối đa trong vòng 03 năm liên tiếp); đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục)

CHƯƠNG XIII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG – HỆ THỐNG KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Điều 70. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng được phép hoạt động tại Việt nam.
2. Theo sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật, nếu thấy cần thiết.
3. Công ty thực hiện các khoản thanh toán và giao dịch tiền tệ theo quy định thông qua các tài khoản tiền Việt nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.
4. Tổng giám đốc quyết định mở, chấm dứt hoạt động, sử dụng các tài khoản của Công ty tại ngân hàng.

Điều 71. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán của Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ một hệ thống kế toán nào được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 72. Kiểm toán

1. Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt nam sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của Công ty và phải chuẩn bị báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.

3. Một bản sao của báo cáo kiểm toán phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XIV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 73. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều lệ này.
2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm một báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một bản cân đối cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công ty là một công ty mẹ thì ngoài báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Nếu Công ty có trang thông tin điện tử thì các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử.

Điều 74. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo quy định và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XV

TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ TÀI SẢN

Điều 75. Tổ chức lại Công ty

1. Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng quản trị có thể đề nghị với Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tổ chức lại Công ty theo các hình thức như chia Công ty, tách Công ty, hợp nhất Công ty, sáp nhập Công ty, chuyển đổi Công ty.
2. Trình tự thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 76. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
 - a. Kết thúc hoạt động theo Điều 5 của Điều lệ này mà không có quyết định gia hạn.

- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Toà tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật về phá sản.
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Quyết định giải thể Công ty trước thời hạn của Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay xin chấp thuận nêu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 77. Thanh lý tài sản Công ty.

1. Trong trường hợp Công ty bị tuyên bố phá sản hoặc bị cấm hoạt động theo lệnh của Toà án, việc giải quyết thanh lý tài sản của Công ty được thực hiện theo các quy định hiện hành của Pháp luật có liên quan.
2. Trong trường hợp Công ty tự tuyên bố chấm dứt hoạt động thì theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thì chậm nhất 06 (sáu) tháng sau khi có quyết định chấm dứt hoạt động, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
3. Ban thanh lý có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ đại diện cho Công ty trước pháp luật về việc phân định trách nhiệm, xử lý tài sản, công nợ tồn đọng và giải quyết các vấn đề tồn tại khác liên quan đến quyền lợi của cổ đông dưới sự giám sát của Đại hội đồng cổ đông.
4. Thời gian thanh lý và chi phí liên quan do Đại hội đồng cổ đông quy định.
5. Trong thời gian thanh lý, Ban thanh lý có quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường.
6. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý
 - b. Tiền lương và các chi phí bảo hiểm cho công nhân viên.
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước
 - d. Các khoản vay (nếu có)
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty.
 - f. Số dư còn lại sau khi đi thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

**CHƯƠNG XVI
TRANH CHẤP – TỔ TỤNG**

Điều 78. Tranh chấp, tố tụng.

1. Công ty có quyền bình đẳng trước Pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi xảy ra tranh chấp tố tụng.
2. Chủ tịch hội đồng quản trị là người đại diện cho quyền lợi các cổ đông của Công ty trước pháp luật và được uỷ quyền cho Tổng giám đốc thực hiện các thủ tục trong mọi giai đoạn tranh tụng.
3. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như thời gian giải quyết thanh lý tài sản Công ty mọi quyết định xử lý tranh tụng liên quan đến Công ty đều được thẩm quyền của các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 79. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi có tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến hoạt động Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc cá quy định hành chính giữa:
 - a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty.
 - b. Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người quản lý khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường ban kiểm soát sẽ chủ trì giải quyết tranh chấp trong vòng 15 (mười năm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan đến Ban kiểm soát hoặc Trường ban kiểm soát thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 60 (sáu mươi) ngày từ ngày phát sinh tranh chấp hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra các cơ quan pháp luật có thẩm quyền xem xét.
3. 3. Mỗi bên tranh chấp tự chịu chi phí liên quan đến thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà sẽ do Toà phán quyết bên nào chịu.

CHƯƠNG XVII

SỬA ĐỔI – BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 80. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Khi cần thiết phải sửa đổi, bổ sung bản Điều lệ này, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị dự thảo sửa đổi, bổ sung và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các sửa đổi, bổ sung có hiệu lực khi được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XVIII
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU

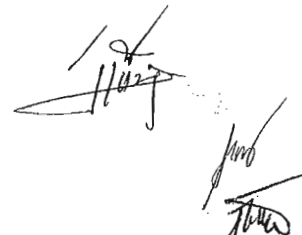
Điều 81. Quản lý và sử dụng con dấu

1. Con dấu của Công ty được khắc và đăng ký theo các quy định chung của pháp luật hiện hành.
2. Tất cả các văn bản của Công ty khi công bố chính thức phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc ký và đóng dấu Công ty
3. Hội đồng quản trị giao cho Tổng giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX
HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 82. Hiệu lực thi hành.

1. Bản Điều lệ này bao gồm 19 chương 82 điều
 - 01 phụ lục của Điều lệ ghi nội dung và số trang.
 - 01 phụ lục được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cơ khí 120 nhất trí thông qua ngày tháng 6 năm 2008 và cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này
 - 01 phụ lục được giải thích các ngôn từ dùng trong Điều lệ.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau.
Trong đó :
 - Nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
 - Phần còn lại lưu tại hồ sơ tại trụ sở chính của Công ty Cổ phần Cơ khí 120.
3. Điều lệ này là duy nhất và là chính thức của Công ty Cổ phần Cơ khí 120
4. Bản trích sao, bản dịch có dấu của Công ty và chữ ký của một trong ba trường hợp sau: Chủ tịch hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 3/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị thi hành.
5. Nếu có điểm mâu thuẫn giữa Điều lệ tiếng Việt và các bản dịch ra tiền nước ngoài thì bản dịch Điều lệ tiếng Việt có giá trị quyết định.
6. Công ty toàn quyền giải thích Điều lệ này, nếu có nhiều ý kiến khác nhau, ý kiến giải thích của Chủ tịch Hội đồng quản trị đóng vai trò quyết định



Chữ ký của các thành viên hội đồng quản trị
(Công ty Cổ phần Cơ khí 120: 609 Trương Định, Hoàng Mai, Hà Nội)

1. Ông :

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị



2. Ông:

Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị



3. Ông:

Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị



4. Ông:

Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị



5. Ông:

Chức vụ: Ủy viên Hội đồng quản trị



PHỤ LỤC

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ 120

Chương I: Những quy định chung	Số trang
Điều 1: Tên Công ty	02
Điều 2: Trụ sở và địa bàn hoạt động	02
Điều 3: Hình thức sở hữu – Tư cách pháp nhân	03
Điều 4: Mục tiêu và lĩnh vực hoạt động SXKD của Công ty	03
Điều 5: Thời gian hoạt động	04
Điều 6: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công ty	04
Điều 7: Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội trong Công ty	05
Chương II: Quyền hạn và nghĩa vụ	
Điều 8: Quyền hạn	05
Điều 9: Nghĩa vụ	06
Chương III: Vốn hoạt động, cổ phần, cổ phiếu, cổ đông sáng lập	
Điều 10: Vốn hoạt động	07
Điều 11: Vốn điều lệ	07
Điều 12: Trái phiếu	08
Điều 13: Cổ phần	09
Điều 14: Cổ đông sáng lập	09
Điều 15: Cổ phần phổ thông - cổ đông sáng lập	09
Điều 16: Chào bán cổ phần	10
Điều 17: Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 18: Thừa kế cổ phần	10
Điều 19: Mua lại cổ phần	11
Điều 20: Thu hồi cổ phần	11
Điều 21: Cổ phiếu	12
Điều 22: Cổ phiếu quỹ	12

Chương IV: Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát

Điều 23: Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát 12

Điều 24: Môi quan hệ Công ty và các đơn vị trực thuộc 12

Chương V: Cổ đông và đại hội cổ đông

Điều 25: Các quy định chung về cổ đông 13

Điều 26: Quyền của cổ đông 13

Điều 27: Nghĩa vụ của cổ đông 15

Điều 28: Sổ đăng ký cổ đông 15

Điều 29: Đại hội đồng cổ đông 16

Điều 30: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 16

Điều 31: Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông 17

Điều 32: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 18

Điều 33: Việc ủy quyền tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông 19

Điều 34: Danh sách cổ đông có quyền tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông 19

Điều 35: Thông báo nội dung chương trình của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 20

Điều 36: Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông 20

Điều 37: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 22

Điều 38: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 23

Điều 39: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 24

Điều 40: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông 24

Chương VI: Hội đồng quản trị

Điều 41: Thành phần và nhiệm kỳ 25

Điều 42: Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử 25

Điều 43: Quyền hạn và trách nhiệm 26

Điều 44: Chủ tịch và phó chủ tịch 27

Điều 45: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung 28

Điều 46: Khuyết thành viên 29

Điều 47: Quyền lợi của thành viên	29
Điều 48: Cuộc họp của HĐQT	29
Điều 49: Bàn giao tài sản, lao động,... cho HĐQT sau ĐHCĐ thành lập Công ty	33

Chương VII: Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc

Điều 50: Tổng Giám đốc	33
Điều 51: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc	33
Điều 52: Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc	34
Điều 53: Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc	35
Điều 54: Ủy quyền, ủy nhiệm của Tổng Giám đốc	35
Điều 55: Từ nhiệm, miễn nhiệm và bãi miễn Tổng Giám đốc	35

Chương VIII: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

Điều 56: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty	36
---	----

Chương IX: Ban kiểm soát

Điều 57: Thành viên và nhiệm kỳ	36
Điều 58: Tiêu chuẩn, điều kiện ứng cử và đề cử Ban kiểm soát	37
Điều 59: Quyền hạn trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	37
Điều 60: Hoạt động của Ban kiểm soát	39
Điều 61: Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	40

Chương X: Quyền thông tin và quyền kiểm tra sổ sách, hồ sơ

Điều 62: Quyền được cung cấp thông tin của Hội đồng quản trị	40
Điều 63: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	41
Điều 64: Quyền điều tra sổ sách, hồ sơ	41

Chương XI: Chế độ và quyền lợi của người lao động

Điều 65: Chế độ và quyền lợi của người lao động	41
---	----

Chương XII: Năm tài chính, phân chia lợi nhuận và lập quỹ

Điều 66: Năm tài chính	42
Điều 67: Trích lập quỹ	42
Điều 68: Chia cổ tức	42
Điều 69: Xử lý khi kinh doanh thua lỗ	44

Chương XIII: Ngân hàng - kế toán - kiểm toán

Điều 70: Tài khoản ngân hàng	44
Điều 71: Hệ thống kế toán	44
Điều 72: Kiểm toán	44

Chương XIV: Báo cáo thường niên, trách nhiệm công bố thông tin

Điều 73: Báo cáo hàng năm, 06 tháng, quý	45
Điều 74: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	45

Chương XV: Tổ chức lại Công ty, chấm dứt hoạt động và thanh lý

Điều 75: Tổ chức lại Công ty	45
Điều 76: Chấm dứt hoạt động	45
Điều 77: Thanh lý tài sản Công ty	46

Chương XVI: Tranh chấp, tố tụng

Điều 78: Tranh cấp - tố tụng	46
Điều 79: Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ	47

Chương XVII: Sửa đổi, bổ xung Điều lệ

Điều 80: Thủ tục sửa đổi - bổ xung Điều lệ	47
--	----

Chương XVIII: Quản lý - sử dụng con dấu

Điều 81: Quản lý và sử dụng con dấu	48
-------------------------------------	----

Chương XIX: Hiệu lực thi hành

Điều 82: Hiệu lực thi hành	48
----------------------------	----

Định nghĩa các thuật ngữ được sử dụng trong Điều lệ

1. Các thuật ngữ liên quan tới pháp luật:

- a. “Luật doanh nghiệp” có nghĩa Luật doanh nghiệp được áp dụng chung cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam đã được nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- b. “Pháp luật” có nghĩa là các luật, các bộ luật và các văn bản dưới luật: pháp lệnh, nghị định, quyết định, thông tư, chỉ thị,... và tất cả các văn bản do các cơ quan Đảng, nhà nước, Chính phủ,... của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ban hành.

2. Các thuật ngữ liên quan tới Công ty cổ phần Cơ khí 120:

- a. Các ngôn từ: “ Công ty, doanh nghiệp, Nhà máy” trong Điều lệ này có nghĩa là chỉ “ Công ty cổ phần Cơ khí 120”
- b. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có nghĩa là HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cơ khí 120.
- c. Đại hội đồng cổ đông cũng có thể xem nghĩa như Đại hội cổ đông: là tất cả các cổ đông (hoặc có tính chất đại diện đa số) cho các cổ đông mua cổ phần của Công ty cổ phần Cơ khí 120.
- d. Vốn điều lệ có nghĩa là vốn góp của tất cả các cổ đông được quy định tại Điều 11 Chương III của Điều lệ này.
- e. Ngày thành lập Công ty cổ phần Cơ khí 120 có nghĩa là ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- f. Cán bộ quản lý Công ty như mục 1, Điều 56 của Điều lệ này, như HĐQT, Tổng Giám đốc, phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, phó Giám đốc, trưởng, phó phòng ban tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.